

Số: 1080 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 9 năm 2017

5650

23 10 17

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 288/TTr-TNMT ngày 14/9/2017,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục các thủ tục hành chính thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang (có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

**Điều 2.** Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

1. Đăng tải công khai Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này trên Trang thông tin điện tử của cơ quan; Tổ chức niêm yết công khai tại nơi tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính của các đơn vị trực thuộc; Công khai địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, Trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định.

2. Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân; ký kết Quy chế phối hợp với Bưu điện tỉnh trong việc thực hiện cung ứng dịch vụ.

**Điều 3.** Bưu điện tỉnh có trách nhiệm thực hiện đúng quy định về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo lựa chọn của tổ chức, cá nhân.

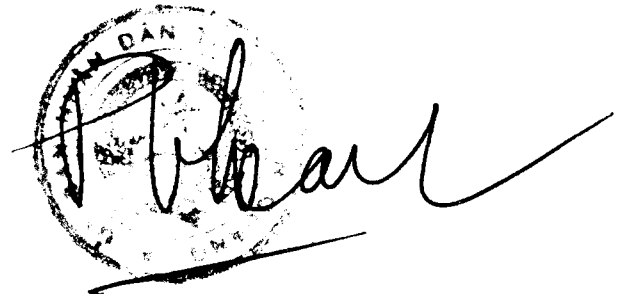
**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Bưu điện tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:** 

- VPCP - Cục KSTTHC; (báo cáo)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 5; (thực hiện)
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; (đăng tải)
- Trường phòng TH&CB;
- Lưu: VT, NC. (P.Hà)

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Minh Huấn**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính  
qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 25/ 9 /2017  
của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang)*

Số TT	Tên thủ tục hành chính
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực đất đai</b>
1	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	Cung cấp dữ liệu đất đai
3	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
4	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
5	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
6	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
7	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng
8	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Số TT	Tên thủ tục hành chính
9	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
10	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
11	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý
12	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
13	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
14	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề
15	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
16	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu
17	Tách thửa hoặc hợp thửa đất
18	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
19	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân
20	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp
21	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện
22	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu
23	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
24	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất

Số TT	Tên thủ tục hành chính
25	Đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp
26	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở
27	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
28	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng
29	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
30	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân
31	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
32	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất
33	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền
34	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất
35	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực môi trường</b>
1	Thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết
2	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản

Số TT	Tên thủ tục hành chính
3	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
4	Cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án.
5	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường (Đối tượng thuộc Phụ lục 5.1 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT)
6	Chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp
7	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất
8	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận hết hạn)
9	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng)
10	Thẩm định, phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường; Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản ( <i>trường hợp thuộc đối tượng lập Kế hoạch bảo vệ môi trường</i> )
11	Xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường; Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản
12	Thẩm định, phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường; Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản ( <i>trường hợp thuộc đối tượng lập Báo cáo ĐTM</i> )
13	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại
14	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực địa chất và khoáng sản</b>
1	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản
2	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt
3	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
4	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản

Số TT	Tên thủ tục hành chính
5	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản
6	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích thăm dò khoáng sản
7	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản
8	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản
9	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản
10	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
11	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản
12	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.
13	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
14	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
15	Đóng cửa mỏ khoáng sản
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực tài nguyên nước</b>
1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm
2	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm
3	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm
4	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm
5	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m <sup>3</sup> / ngày đêm
6	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m <sup>3</sup> / ngày đêm

Số TT	Tên thủ tục hành chính
7	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với các hoạt động khác
8	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với các hoạt động khác
9	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước
10	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất
11	Lấy ý kiến cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh
12	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
13	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
14	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực Đo đạc và bản đồ và Viễn thám</b>
1	Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ
2	Cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ
3	Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ
4	Cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm</b>
1	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất
2	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất
3	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên giấy chứng nhận
4	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không phải là nhà ở; đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không phải là nhà ở
5	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai
6	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký



Số TT	Tên thủ tục hành chính
7	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp
8	Xóa đăng ký thế chấp
9	Sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của người thực hiện đăng ký
10	Hồ sơ chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở